



Một Thời Để Nhớ

Song Vũ

Một

Ngày 15 tháng 11 năm 1963, sau 4 ngày có tiếng là tham gia cuộc đảo chánh Tổng thống Ngô Đình Diệm; Tiểu Đoàn 3/11 thuộc Sư Đoàn 7 được lệnh lên xe trở về nhiệm sở.

Tôi là Đại Đội Phó Đại Đội 1 của tiểu đoàn, đại đội trưởng là Trung Úy Ngô Văn Cao, Khóa 4 Thủ Đức. Đại Đội 2 do Trung Úy Hoàng Lê Cường, Khóa 16 mới nhận bàn giao từ Đại Úy Nghiêm trước đó khoảng 2 tuần. Đại Đội 3 do Thiếu Úy Huỳnh Khánh Sơn, khóa 6 Thủ Đức là đại đội trưởng.

Mang danh là về tham dự đảo chánh, nhưng Trung Đoàn 11 chỉ đóng vai trò hỗ trợ biểu dương lực lượng chứ hoàn toàn không có “đầu súng” với ai cả. Đơn vị của chúng tôi đóng quân kiểm soát khu vực trường Petrus Ký, Tổng Nha Cảnh Sát. Đại đội tôi bố trí trong khuôn viên của trường này.

Tôi tốt nghiệp khóa 17 VB ngày 30 tháng 3 do chính Tổng Thống Diệm chủ tọa lễ mãn khóa. Trình diện BTL/ SĐ7 vào giữa tháng 4 khi mùi thuốc súng của trận Ấp Bắc mới vừa tạm lắng. Đại Tá Bùi Đình Đạm, Tư Lệnh Sư Đoàn còn đang tất bật chỉ huy các cuộc hành quân truy kích địch trên địa bàn lãnh thổ tiểu khu Định Tường. Vì thế, 12 thiếu úy Khóa 17 chúng tôi (trong đó có thủ khoa Vĩnh Nhi) phải chờ cả tuần lễ trước khi chính thức trình diện ông để nhận nhiệm sở mới.

Đại tá Đạm, xuất thân Khóa 1 Võ Bị, người nhỏ nhắn, nói chuyện khoan thai từ tốn và trên khuôn mặt ông luôn tươi tắn, vui vẻ. Trước khi gặp ông, chúng tôi mừng tượng ra một vị tư lệnh uy nghi bệ vệ cùng những lời huấn từ sắt thép cho lớp

sĩ quan mới ra trường như chúng tôi. Nào ngờ khi gặp ông, với lối nói chuyện chậm rãi, rành mạch, đã khiến lòng chúng tôi ấm áp khi thấy một vị niên trưởng quan tâm đến lớp đàn em sẽ làm việc chung với mình. Ông tóm lược tình hình địch quân trong vùng, nói phác qua về trận chiến khốc liệt với đơn vị chính quy Cộng Sản lần đầu tiên quy tụ thành cấp tiểu đoàn, rồi lợi dụng tình thế tranh chấp chính trị bất ổn ở Sài Gòn mở đầu một trận đánh lớn quy mô lớn ngõ hầu tạo uy thế cho cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam của (CSMTGPVN). Sau đó ông căn dặn chúng tôi phải gương mẫu trong chỉ huy đơn vị và hết lòng phục vụ cho đất nước, đồng bào. Chúng tôi ghi nhớ những lời ông ân cần dặn dò:

- “Quân đội của chúng ta còn rất non trẻ, cả trong tổ chức lẫn kinh nghiệm chiến đấu. Các thiếu úy là những sĩ quan tình nguyện và được đào tạo bài bản. Tôi hy vọng các anh sẽ là những sĩ quan nòng cốt cho quân đội sau này. Bước khởi đầu bao giờ cũng có nhiều khó khăn bở ngỡ, nhưng tôi tin là các anh sẽ trưởng thành mau chóng. Chỉ có điều tôi cần nhắc nhở để các anh phải luôn nhớ, các anh là tấm gương cho thuộc cấp của mình. Binh sĩ dưới quyền các anh sẽ chiến đấu theo gương của các anh. Họ đặt niềm tin vào cấp chỉ huy của mình hay không là do các anh. Thành hay bại của một đơn vị là do cấp chỉ huy tạo ra.”

Sau đó ông cho chúng tôi biết sẽ bổ sung 12 người cho các tiểu đoàn tác chiến thuộc 3 trung đoàn trực thuộc gồm 10, 11, 12. Mỗi trung đoàn 4 sĩ quan.

Nguyễn Tiến Mão, Nghệ Hữu Cung, Võ Thừa Tự, và tôi chọn Trung Đoàn 11 do Thiếu Tá Nguyễn Duy Bách là trung đoàn trưởng. Trung Đoàn 10 do Thiếu Tá Trần Văn Đắc là trung đoàn trưởng và Thiếu Tá Vũ Lộ thuộc Trung Đoàn 12. Nguyễn Tiến Mão và tôi về Tiểu Đoàn 3 do Đại Úy Huỳnh



Văn Chính là tiểu đoàn trưởng. Nghê Hữu Cung và Võ Thừa Tự về Tiểu Đoàn 1 của Đại Úy Dương Hữu Trí.

Tiểu Đoàn 3 lúc đó đang hành quân vùng Đức Hòa Đức Huệ. Tôi về Đại Đội 1, còn Mão về Đại Đội 2. Chúng tôi gặp lại hai đàn anh khóa 16, Ngô Gia Tiến - Đại Đội 1 và Hoàng Lê Cường - Đại Đội 2. Tiểu Đoàn 3/11 là tiểu đoàn của trung đoàn được giao trách nhiệm thử súng AR15 của sư đoàn nên Đại Đội 2 của Mão còn có tên là đại đội hỏa lực do Đại Úy Nghiêm “đầu bạc“ là đại đội trưởng. Ba đại đội còn lại 1, 3, và Chỉ Huy trang bị Garant M1, tiểu liên Thompson, và Carbin, súng cối 81, 60, và đại liên 30.

Trong suốt thời gian gần 7 tháng, Tiểu Đoàn 3/11 hành quân lưu động liên tục trong vùng lãnh thổ của các Tiểu Khu Long An, Định Tường, Gò Công, Kiến Phong, Vĩnh Long, Vĩnh Bình... Thường thì hành quân chừng năm ba ngày lại kéo nhau ra các làng xóm ven tỉnh lý nghỉ dưỡng quân một hai ngày. Phải thú thực là với các cuộc di chuyển liên tục khi bằng xe, khi bằng tàu Hải Quân, lúc bằng phi cơ trực thăng, cuộc sống lang thang mệt mỏi vì di chuyển khiến cả lính lẫn quan đều bơ phờ, hộc hác. Có thể nói, đơn vị chẳng có ngày nào là một ngày nghỉ dưỡng quân thực sự. Lãnh thổ phụ trách thì quá rộng, đơn vị quân đội trách nhiệm an ninh lại quá ít. Cả khu chiến Tiền Giang lúc đó chỉ có một mình SĐ7 là lực lượng chính, thỉnh thoảng vì nhu cầu hành quân, có sự tăng cường của một hai đơn vị TQLC, BĐQ, hoặc Nhảy Dù trong một thời gian ngắn .

Cho đến cuối tháng 10, Tiểu Đoàn 3/11 mới di chuyển từ Vĩnh Bình sau các cuộc hành quân tại Cầu Ngang, Cầu Kè, Long Toàn, Long Hữu trở về lại Định Tường. Nghỉ được hai ngày tại Cai Lậy, tiểu đoàn tiếp tục hành quân vùng Cổ Cò thuộc Đồng Tháp; 3 ngày sau đó kéo về Ngã Ba Thủ Thừa thuộc tỉnh Long An chờ lệnh. Hôm đó là ngày 9 tháng 11.

Đại Úy Huỳnh Văn Chính về BTL/ SĐ7 họp hành quân.

Hôm sau, sáng ngày 10 chúng tôi kéo về ngã ba Phú Lâm tham gia đảo chánh!

Ngày 14, các đơn vị chính của địch áp sát thành phố Mỹ Tho. Tiểu Đoàn 3/11 được lệnh lên xe khẩn cấp trở lại chiến trường. Buổi trưa cùng ngày đoàn xe dừng bánh tại ngã ba Dương Diềm đổ quân. Chúng tôi tiến quân dọc theo phía Bắc của con rạch đi về hướng sông Mỹ Tho. Khi đơn vị cách tuyến xuất phát chừng 3 cây số, đại đội tôi đi đầu chạm địch.

Trận đánh với đơn vị chính quy CS thứ hai tôi gặp kể từ sau ngày ra trường. (Sau trận đánh tại Sóc Ruộng, Vĩnh Bình với Tiểu Đoàn 307 vào khoảng tháng 7.)



Địch sử dụng đủ loại vũ khí hạng nặng, phòng không, đại liên, súng cối để cầm chân đơn vị chúng tôi. Xế chiều, Đại Úy Chính, tiểu đoàn trưởng, bị thương nặng; Thiếu Úy Thuận, đại đội trưởng chỉ huy, cũng bị thương. Đại Úy Cao (mới được gán cấp bậc đại úy sau ngày đảo chánh - không liên quan gì với vụ đảo chánh cả. Ông tốt nghiệp khóa 4 Thủ Đức và được đề nghị từ trước, nhưng chưa kịp gán lon thì tiểu đoàn kéo về Sài Gòn nên nhân tiện trước khi lên xe đi Dương Diềm, Đại Úy TĐT gán luôn cho ông!) Đại úy Cao được chỉ định làm tiểu đoàn phó cho Đại Úy Năng lúc này được BCH/TRĐ chỉ định thay thế Đại Úy Chính và tôi được đôn lên làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 tại mặt trận.

Trận chiến tiếp tục cho tới chiều. Ba bốn phi tuần khu trục AD6 từ Sài Gòn bay vùn vụt oanh kích vị trí cố thủ của địch. Súng cối, phòng không địch cũng thi nhau nhả đạn vào lực

lượng của ta. Nhờ những mương đào trong các vườn cây ăn trái, đại đội tôi sử dụng như những giao thông hào nên đã đẩy lui ít nhất hai lần địch quân xung phong muốn tràn qua tuyến. Đêm xuống rất nhanh, thương binh được di tản bằng đường bộ lui về phía sau ra ngã ba Quốc Lộ 4, từ đó di tản bằng xe về Quân Y Viện 7, hoặc Tổng Y Viện Cộng Hòa.

Sáng ngày 15, tiểu đoàn được lệnh tiếp tục tiến vào lục soát vị trí phòng thủ của địch. Một số xác chết địch còn nằm ngổn ngang trong các hầm cá nhân, băng bông máu me vương vãi khắp nơi. Địch tổn thất khá nặng. Phần còn lại lợi dụng đêm tối, băng theo ruộng lúa rồi lẩn trốn vào khu Đền Tháp bao la.

Buổi chiều cùng ngày chúng tôi được lệnh lên xe trở về chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho nghỉ dưỡng quân và bổ sung quân số, quân trang thiết bị.

Buổi chiều tối, các niên trưởng Cường, Tiến, cùng Mão, và tôi rủ nhau qua cầu Mỹ Tho uống bia. Từ trong một quán ven sông, nhìn ra đường, cuộc sống diễn tiến bình thường, phẳng lặng. Tôi có cảm giác chẳng ai quan tâm tới những cuộc lộn xộn chính trị vừa mới xảy ra tại Sài Gòn, cũng chẳng ai quan tâm tới trận đánh ác liệt mà chúng tôi vừa mới trải qua cách đây hai ngày. Cuộc chiến này hình như được khoán trắng cho những người lính. Sư đoàn, những diễn biến tiếp theo sau đó, có lẽ vì lý do chính trị, ngay cả các cấp chỉ huy cao hơn trong BTL cũng thay đổi nhanh chóng. Đại tá Đạm, rồi tướng Có, rồi tướng Đồng thay phiên nhau bàn giao trong khoảng thời gian chưa tới 2 tháng.

Hai

Tháng 9/1964, Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị về làm tư lệnh sư đoàn sau khi đã thay thêm ba tư lệnh, tổng cộng là 6 vị tư lệnh kể từ sau ngày đảo chánh. (Lần lượt là Bùi Đình Đạm, Nguyễn Hữu Có, Phạm văn Đồng, Bùi hữu Nhơn, Huỳnh văn Tôn, Lâm văn Phát!) Tình hình chiến sự tạm lắng. Trước đây,

trục thăng UH17 - hình trái chuối - là phương tiện chủ chốt dùng để đổ quân trong trận đánh Ấp Bắc ngày nào. Vì vận tốc chậm chạp, hình thể to lớn khó xoay trở của máy bay, cộng thêm vào đó là yếu tố bất ngờ về việc trang bị vũ khí nặng, với số quân chính quy đông đảo của địch là lý do chính cho Việt Cộng tạo nên một chiến thắng để chúng tuyên truyền! Giờ đây các trục thăng này được thay thế dần bằng loại trục thăng HU1D gọn nhẹ, năng động hơn.

Khi về làm đại đội trưởng Trinh Sát 11, tôi đã có rất nhiều dịp hành quân trở lại vùng này. Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị là vị tướng đầu tiên mang đến cho Sư Đoàn 7 nhiều thay đổi tích cực. Ông áp dụng tổ chức các đại đội trinh sát cho các trung đoàn bộ binh, theo kinh nghiệm khi ông còn làm tư lệnh của Sư Đoàn 22 trên Cao Nguyên. Với tính năng gọn nhẹ, linh hoạt trong điều động; chuyên dùng để trinh sát, đột kích là hai nhiệm vụ chính của các đơn vị này. Trong bảng cấp số do Bộ Tổng Tham Mưu đưa ra, các sư đoàn Bộ Binh vùng đồng bằng thời gian đó không có tổ chức này. Tướng Trị linh động cho các trung đoàn lấy các binh sĩ tinh nhuệ của các tiểu đoàn để thành lập - Mỗi tiểu đoàn chịu trách nhiệm quản trị một trung đội - Nói cách khác, ngoại trừ đại đội 7 Trinh Sát là có bảng cấp số hẳn hoi, còn lại ba đại đội 10, 11, 12 là các đại đội trinh sát “lậu”, nằm ngoài bảng cấp số.

Từ khi Tiểu Đoàn 7 Trinh Sát (gồm 4 Đại Đội 7, 10, 11, 12 TS) được “bí mật” thành lập, chiến trường khu chiến Tiền Giang trở nên sôi động hẳn. Thiếu tá Thu, phụ tá hành quân của Tướng Trị, và Thiếu Tá Lê Nguyên Bình, Trưởng Phòng 2 SĐ, những người trách nhiệm sử dụng trực tiếp tiểu đoàn này, đặt tên cho một chiến thuật mới: **Đom Đóm - Điều Hâu!**

Từ đó, trên chiến trường bao la trống trải của Đồng Tháp, ngay sau khi phi cơ trinh sát phát giác ra các đơn vị cộng sản di chuyển, lập tức, tùy theo tình hình, các đại đội trinh sát sẽ mau chóng lên phi cơ, trục thăng vận đở lên đầu địch để bắt sống hoặc tiêu diệt! Các đại đội TS là những con Điều Hâu

theo đúng nghĩa - lặn lò giữa trời cao bỏ xuống đầu địch, sau các đợt càn quét của phi cơ trực thăng võ trang bay kèm yểm trợ. Thanh toán chiến trường chớp nhoáng, đơn vị lại lên phi cơ trở về các phi trường dã chiến lân cận để chờ một cuộc đổ quân mới. Những hợp đoàn trực thăng chở quân bay cao trên vòm trời đêm, đằng sau mỗi chiếc phi cơ là những đóm đèn màu đỏ lập lòe như những bầy đom đóm! Địch bắt đầu lo sợ khi di chuyển. Vùng mật khu Đồng Tháp không còn là chốn vườn hoang nhà trống cho chúng lộng hành!

Tháng 10 năm 1965, một trận đánh ác liệt khác tại vùng mật khu Xuân Sơn, Cẩm Sơn thuộc quận Cái Bè giữa hai Trung Đoàn 11 và 12 của Sư Đoàn 7, Tiểu Đoàn 41 BĐQ, Tiểu Đoàn ĐPQ Định Tường, Thiết đoàn 6 Kỵ Binh, Không Quân, và Giang Đoàn 21 Hải Quân tại Mỹ Tho với Trung Đoàn Đồng Tháp Cộng Sản. Trận đánh kéo dài hai ngày đêm với tổn thất nặng cho cả hai phía. Sau trận đánh, Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị bàn giao sư đoàn cho đại tá Nguyễn Việt Thanh.

Ba

Tôi có thể nói ngay, **Tướng Thanh là người sử dụng chiến thuật “Đom Đóm - Điều Hâu” thành công nhất trong thời gian ông làm Tư Lệnh Sư Đoàn 7.** Thay vì đón đánh các đơn vị CS di chuyển lẻ tẻ trên chiến trường Đồng Tháp, ông mở rộng vùng hoạt động sang các chiến trường cận biên với Kampuchia, nơi tập trung các căn cứ tiếp liệu, bổ sung và bộ chỉ huy của cái gọi là MTGP, nơi các tỉnh ủy Long An và Định Tường trốn lánh ẩn núp.

Tướng Thanh mang đến một nét sinh hoạt mới: các cuộc họp rút kinh nghiệm sau các cuộc hành quân lớn! Các cuộc họp này được tổ chức ngay tại BTL/SĐ do các ban tham mưu SĐ cùng các đơn vị trưởng hành quân tham dự. Tướng Thanh ngồi chăm chú theo dõi diễn tiến cuộc hành quân do trung tâm hành quân SĐ thuyết trình, các cuộc điều động lực lượng của các đơn vị trưởng, kết quả trận đánh. Đến phần nhận xét phê bình, ông trình bày ý kiến của mình hoặc khen ngợi đơn

vị này hoặc phê bình đơn vị kia... Cuộc họp không mang tính chỉ trích hay la hét mà một số vị chỉ huy trưởng thường làm. Ngược lại, đúng là một cuộc họp tìm ra kinh nghiệm để cuộc hành quân tương tự trong tương lai có kết quả tốt đẹp hơn.

Bốn

Giữa năm 1965, tôi bàn giao lại Đại Đội Một, Tiểu Đoàn 1/11 cho Thiếu Úy Lê Văn Ba về nhận bàn giao Đại Đội TS 11. Đại đội vừa chịu tổn thất nặng sau trận đánh ở Cái Nứa thuộc quận Kiến Đức Định Tường; Trung úy Trương Văn Ba, Đại Đội Trưởng tử trận. Trung Tá Trung Đoàn Trưởng Nguyễn Văn Lộc, Khóa 6 Đà Lạt, kêu tôi lên trình diện. Ông ân cần dặn dò tôi với lời hứa sẽ cho đại đội nghỉ hai tuần để bổ sung và chỉnh đốn tinh thần binh sĩ. Vị trí tạm trú của đại đội nằm sát chân cầu Long Định. Buổi trưa trời nóng như đổ lửa, tôi đi theo Thiếu Tá Trung Đoàn Phó sang nhận bàn giao đơn vị. Tổng cộng cả quan lẫn lính là 65 người (trên tổng số 81 người theo danh sách trước đó)! Thượng Sĩ Thường Vụ Tuyển cho đại đội sắp thành hàng để giao lại cho tôi. Việc đầu tiên tôi làm là gặp ngay các trung đội trưởng để tìm hiểu những nhu cầu trang thiết bị của đơn vị. Và đúng như lời hứa của Trung Tá Lộc, sau hai tuần chỉnh trang Đại Đội TS11 đã sẵn sàng tham chiến. Quân số tôi có là 90 người.



*Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị,
1966*

Đại đội có thêm hai chuẩn úy bổ sung về làm Đại Đội Phó và Trung Đội Trưởng Trung Đội 1 và 2. Trung Đội 3 là một thượng sĩ. Các binh sĩ được bổ sung về là những binh sĩ tình nguyện có kinh nghiệm chiến trường.

Tiểu đoàn 7 TS, lúc tôi về làm đại đội trưởng TS11 - như tôi đã trình bày, gồm 4 đại đội trinh sát. Đại Đội 7 do trung úy Lê Hữu Cừ, Khóa 16 Võ bị là đại đội trưởng, Đại Đội 10TS do Trung Úy Phan Thái Gia, khóa 10 Thủ Đức chỉ huy, Đại Đội 11 do tôi chỉ huy, đại đội 12 do Thiếu Úy Lã Văn Tiêu—người có kinh nghiệm chỉ huy từ thời làm lính commando của Pháp—người nổi danh với cái tên “**Nghe súng nổ như lân thảy pháo!**” (Có một chi tiết thú vị là sau khi sang định cư tại Hoa Kỳ năm 1992. Tôi gặp lại đại úy Trần Ngọc T - từng giữ chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, Tiểu Đoàn 2/44 khi tôi là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn này trong năm 1970. Khi gặp lại nhau tại San Jose, tôi mới biết bà xã của T chính là con gái của Đại Úy Lã Văn Tiêu, TS12 tôi vừa kể ở trên!).

Khi nào hành quân phối hợp từ 3 đại đội trở lên, Phòng Nhì Sư Đoàn cử Đại Úy Hoàng Trọng Hiền chỉ huy tổng quát.

Năm

Cuối năm 1965, Tiểu Đoàn 7 Trinh Sát tham gia trận tập kích vùng giáp ranh giữa tỉnh Long An, Hậu Nghĩa, và Kampuchia - mật khu Sông Trăng/ Ba Thu của CS. Các đại đội luân phiên trực thăng vận vào các mục tiêu đã được Phòng Nhì Sư Đoàn nghiên cứu kỹ từ không ảnh chụp được. Ngồi trên phi cơ nhìn xuống cả cánh đồng mông mênh nước, thật khó ai có thể ngờ được trong các bụi lùm xơ xác nằm rải rác trên các gò đất cao kia lại có thể là các hầm trú, kho tàng tiếp liệu của địch. Chỉ với 16 trực thăng chở quân và 6 trực thăng võ trang, hai đại đội ứng chiến trên sân banh Hậu Nghĩa, hai đại đội luân phiên nhảy vào các mục tiêu nghi ngờ. Từ sáng tờ mờ cho tới chiều chạng vạng, các đại đội TS luân phiên càn quét lục soát trên một phạm vi khoảng 200 cây số vuông dọc theo biên giới Việt Miên để tiêu diệt các căn cứ hậu cần và bộ chỉ huy quân sự, hành chánh của tiểu khu Long An của CS—một điều mà chỉ có chiến thuật này mới có thể làm được thay vì phải sử dụng một lực lượng hành quân hỗn hợp lớn hơn nhiều lần mới có thể đạt cùng kết quả.

Cuộc hành quân không có chạm súng lớn nhưng kết quả lại rất khả quan. Phần lớn các căn cứ hậu cần của địch bị đơn vị chúng tôi tịch thu, hoặc phá hủy. Chúng tôi cũng phát giác và tịch thu nhiều kho súng cá nhân, thuốc men, các dụng cụ y khoa, tài liệu và bắt một số tù binh. Tồn thất của đơn vị TS là không đáng kể!

Khoảng 11 giờ trưa, sau đợt nhảy trực thăng đợt hai vào mục tiêu là một căn chòi nhỏ nằm chênh vênh giữa cánh đồng nước phèn, chúng tôi lục soát một chòi vịt, bắt hai tù binh già và khám phá ra 10 cây súng phòng không 12ly8 mới tinh còn bọc giấy dầu nằm trong một đụn rơm! Tướng Thanh ngay sau khi nghe tin tôi báo cáo, đã đáp máy bay trên đỉnh gò và vào chứng kiến tận mắt đồng chiến lợi phẩm của đơn vị chúng tôi. Ông nở nụ cười vui vẻ, hỏi han khích lệ chúng tôi cố gắng lục soát thật kỹ khu vực. Tướng Thanh ra lệnh cho các trực thăng khác tới chở số vũ khí và tù binh về. Còn đồng đạn được được đơn vị công binh sư đoàn tới phá hủy. Ông lên trực thăng tiếp tục điều động chỉ huy. Cứ mỗi lần có đơn vị báo cáo chiến lợi phẩm, ông lại đáp xuống tận nơi quan sát tại chỗ.

Máy bay của Tướng Thanh chỉ rời vùng khi những người lính của Tiểu Đoàn 7 TS được bốc ra hết khỏi khu vực hành quân. Đó là kỷ niệm đầu tiên của tôi với vị tư lệnh mà tôi kính mến.

Sáu

Khoảng tháng 9/1966, Sư Đoàn 7 tổ chức cuộc hành quân vào mật khu Hốt Hỏa thuộc Thạnh Phú, Kiến Hòa. Mật khu nằm sát biển. Nơi đây Cộng Sản lợi dụng vùng nước ngập mặn này làm khu an toàn cất giấu vận chuyển vũ khí và là nơi trú ẩn của tỉnh ủy Kiến Hòa. Trong một vùng rừng ngập nước, ẩn dấu dưới các lùm cây đước, cây bần um tùm xanh kín là nơi mật khu an toàn có người ở của CS. Chiều chiều khi thủy triều dâng, cả vùng ngập nước. Nếu dùng tàu của Giang Đoàn 21 Xung Phong Mỹ Tho để đổ bộ, Việt Cộng sẽ di chuyển phân tán rất nhanh. Địa thế lại còn khó khăn hơn đối với một cuộc

hành quân trực thăng vận vì rừng cây không có bãi đáp cho trực thăng. Tướng Thanh đã tìm ra lời giải cho bài toán này. Dĩ nhiên đối với các lực lượng đặc nhiệm khác như Hải Kích hoặc Biệt Kích Nhảy Dù, chuyên tổ chức cuộc hành quân có thể dễ dàng hơn nhiều, nhưng đây là một đơn vị bộ binh, tổ chức một cuộc hành quân đặc biệt trên địa thế này là rất khó.

Để bảo đảm tính bí mật của cuộc hành quân, chúng tôi chỉ được triệu tập về BTL/SĐ để nghe phổ biến lệnh hành quân có hai tiếng đồng hồ trước khi ra sân bay. Thang giây và phao cứu nạn chỉ được cấp phát sau khi cả đơn vị đã có mặt trên phi trường Hồ Nước, Mỹ Tho. Được cái lính Trinh Sát mau hiểu nên qua ít thời gian hướng dẫn cách sử dụng, chúng tôi đều biết phải làm gì.

Hai Đại Đội 7 và 11 được trực thăng vận đầu tiên vào mục tiêu. Trong khi máy bay vũ trang bay vẫn vũ sát đọt cây để tìm kiếm địch, cũng là lúc từng người một, chúng tôi đu theo thang dây xuống các lùm cây bên dưới! Chuyện hào hứng đầu tiên là hạ sĩ mang cây đại liên M60 của Đại Đội 7 TS trong khi cùng đồng đội đu theo thang xuống thì bị một du kích vác súng bắn lũng bàn tọa. Để an toàn không ăn thêm phát đạn thứ hai, anh chàng này buông tay cho rơi tự do ngay lên đầu tên du kích! Dĩ nhiên là với sức nặng của súng ống và thân mình hộ pháp của xạ thủ, tên Cộng Sản nằm dưới chết ngay không kịp phản ứng! Đại Đội 7 lập công đầu khi phát giác ra một chòi làm việc thuộc Tỉnh Ủy Kiến Hòa của CS, lấy rất nhiều tài liệu và một số súng ống, đạn dược cùng tiêu diệt một số cán binh Cộng Sản.

Nửa tiếng sau Đại Đội Trinh Sát 11 vào vùng. Khu vực chúng tôi xuống cũng là một vùng cây đước rậm rạp không rõ ở dưới các tán lá là cái gì! May mắn hơn, hai căn chòi lá nằm ngay trang dưới những tán lá kết chặt lại với nhau đã bị trực thăng vũ trang, phát giác trước đó ít phút, đã bị bắn cháy. Khi đơn vị chúng tôi xuống tới đất, lửa khói vẫn còn nghi ngút. Cái may thứ hai đó là hai căn chòi này chỉ chứa súng tiểu liên

chứ không có lựu đạn hoặc đạn cối! Nếu có thì không biết kết quả ra sao!

Buổi chiều hai đại đội còn lại 12 và 10 được đưa vào vùng hành quân. Các đại đội này cũng triệt phá rất nhiều kho súng đạn của Cộng Sản, bắt tù binh và tài liệu, trong đó có cả danh sách sổ cán bộ kinh tài nằm vùng của tỉnh Kiên Hòa. Kết quả sau cuộc hành quân, các cơ sở nằm vùng này đều bị triệt phá.

Chiều nắng tắt dần, nước đã lội ngang đầu gối. Chúng tôi mang phao cứu nạn màu đỏ rực cả khu rừng, bị bơm lội và đang toan tính không biết đêm nay sẽ ngủ nghê ra sao. Lệnh trên cho biết không thể triệt thoái bằng trục thẳng như thường ngày chúng tôi đã quen. Cả đơn vị leo lên cây ngồi ngủ! Trong cái vắng lặng của khu rừng được dưới chân, tiếng sóng biển vỗ ầm ỉ từ xa vọng lại, một thứ âm thanh đều đều trầm buồn làm người lính rất nhớ nhà. Tất cả chìm trong im lặng, lâu lâu mới có tiếng “ùm” do một anh chàng nào ngái ngủ rơi xuống nước!

Tôi không ngủ suốt đêm hôm ấy. Suy nghĩ vẩn vơ đủ mọi thứ chuyện. Năm ấy tôi mới có đứa con đầu lòng. **Tôi không biết sau này khi con tôi lớn khôn, nó có cơ hội để nhìn một đất nước đầy đau thương này có cơ hội sống trong no ấm, tự do? Nó có hiểu được những cơ cực của đời một người lính lứa tuổi cha ông như chúng tôi đang chiến đấu bảo vệ cho cuộc sống tự do no ấm của Miền Nam thân yêu? Nó có nhìn ra sự tàn độc, ngu muội của đám lãnh đạo Miền Bắc khi lừa một nửa dân tộc đi tàn sát một nửa còn lại để rồi cả dân tộc này tan hoang tàn lụi?** Những ý nghĩ lan man theo con nước bắt đầu rờn rọc lúc trời rạng sáng. Một số vùng đất cao lại hiện ra, những đường thông thủy nhỏ biến thành các con rạch chảy quanh co trong các lùm cây. Ở đây không có tiếng chim muông gà rừng nào báo hiệu một bình minh lại chiếu sáng. Chỉ có tiếng lao xao của dòng nước đang rút dần ra biển.

Trưa ngày thứ ba tàu Hải Quân cập vị trí ẩn định đón quân.

Chúng tôi lên tàu cùng số vũ khí, tài liệu, đạn dược tịch thu được của địch trở ra.

Bảy

Mỗi đại đội TS được sự đoàn thương 30 ngàn để tổ chức liên hoan. Doanh trại của đại đội tôi gồm bốn căn, cất thành hình chữ nhật khoảng giữa là một sân bóng chuyền. Hai dãy dành cho khu gia binh, một cho những người độc thân, và một dùng làm kho tiếp liệu của đại đội cùng ban chỉ huy đại đội.

Tôi dùng toàn bộ số tiền thưởng để mua bia, thuốc lá cùng ít khô sặt và mực khô, một ít bánh kẹo và thuốc lá để đại đội cùng uống ăn mừng chiến thắng. Tôi gọi điện thoại mời Đại Úy Hiền, Thiếu Tá Bình và nhân tiện tôi dò hỏi muốn mời luôn cả Chuẩn Tướng Thanh không biết có được không? Thiếu Tá Bình hứa sẽ nói và trả lời cho tôi biết khi có kết quả. Những tưởng khó mà có cơ hội để gặp vị tư lệnh mình kính phục. Nào ngờ một hai tiếng đồng hồ sau đó thiếu Tá Bình gọi lại cho biết Tướng Tư Lệnh



Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư Lệnh Quân Đoàn IV 1969.

nhận lời.

Bỗng dưng cái hăng hái bỗng lụi lúc đầu khi nảy sinh ý tưởng mới tư lệnh giờ đây trở thành nỗi lo. Tôi cầu cứu Đại Úy Hiền (vị tiêu đoàn trưởng của các đơn vị TS). Tôi kể rõ là bữa tiệc sẽ chỉ có vài thứ đồ nhậu bình dân.

- "Đừng lo, không sao. Tướng Thanh chịu chơi lắm. Ông biết mà, đại đội trinh sát của trung đoàn có cấp số bỗng lộc gì đâu mà làm lớn được. Và lại hôm trước ông cũng đã từng đến

tham dự tiệc mừng chiến thắng của Đại Đội 7 TS rồi. Không sao đâu, đừng lo.”

Trong dãy nhà độc thân, hai hàng mỗi bên trái 5 tấm poncho sát cạnh nhau là những “mâm” tiệc. Riêng bàn quan khách có chiếc nón sắt dùng để đỡ bia uống chung được thay bằng 10 chiếc ly nhựa. Đồ ăn được bày trên mười chiếc mâm nhôm đủ kiểu mượn từ khu gia binh. Đại đội tề tựu đông đủ, ngoại trừ một tiểu đội dàn chào danh dự quần áo chỉnh tề có mặt trước cổng ra vào doanh trại để đón phái đoàn.

Tướng Thanh cùng phái đoàn đi trên hai chiếc xe jeep. Xe trước là Đại Úy Hiền - Phó Phòng Nhì, Đại Úy Miêng - Trưởng Phòng Quân Báo, và Đại Úy Lê Hữu Cừ - Đại Đội Trưởng TS 7. Xe sau do Thiếu Tá Lê Nguyên Bình - Trưởng Phòng Nhì lái, Chuẩn Tướng Thanh ngồi bên cạnh. Sau ông là Thiếu Tá Xuyên - Trưởng Phòng 3 SĐ. Tôi ra đón phái đoàn tại cổng. Khi xuống xe, tôi hướng dẫn ông cùng phái đoàn đi thẳng tới “bàn tiệc”!

Sau khi yên vị, tôi đại diện đại đội ngỏ lời cảm ơn Chuẩn Tướng Tư Lệnh cùng phái đoàn đã đến tham dự bữa tiệc liên hoan. Sau đó Tướng Thanh nói rất vắn tắt:

- “Chúc mừng đơn vị đã góp phần chiến thắng cho cuộc hành quân vừa qua. Tôi chúc Đại Đội 11 TS sẽ tiếp tục đạt nhiều chiến công hơn nữa!”

Tôi rót bia và mời ông cùng ngồi xuống sàn xi măng để uống chung vui cùng đại đội. Tất cả phái đoàn cùng đơn vị chúng tôi vui vẻ cụng ly ăn mừng chiến thắng.

Tôi nhớ rất rõ, Tướng Thanh uống chưa hết ly bia quân tiếp vụ mặt ông đã đỏ bừng. Thiếu Tá Bình nói nhỏ vào tai tôi:

-“Ông tướng không uống được nhiều đâu, nhớ đừng có ép.”

Tôi hiểu ý không rót thêm bia vào ly của ông nữa.

Mọi người nói chuyện vui vẻ, thỉnh thoảng vị tư lệnh quay qua hỏi tôi một vài nét sinh hoạt và cuộc sống của các binh sĩ

trong đơn vị. Ông cũng hỏi tôi về tinh thần chiến đấu của đại đội trong các cuộc hành quân “Đom Đóm-Điều Hâu”. Nhân cơ hội này, tôi cũng nêu lên những suy nghĩ của mình về các cuộc hành quân cấp lớn hơn với chiến thuật ”**Tìm và Tiêu Diệt Địch**” hiện hành.

Tôi cho rằng những cuộc di chuyển liên tục “tìm địch” thường làm tiêu hao sức lực của binh sĩ rất lớn và điều nghịch lý là chúng ta luôn ở thế bị động khi chạm địch! Địch trong thế thủ, hàm hồ kiên cố, chúng ta chỉ còn trông mong nhiều vào hỏa lực áp đảo để tiêu diệt chúng. Trường hợp địch chờ cho ta tiến sát mới khai hỏa, ta sẽ trở ngại vì khoảng cách an toàn của phi pháo không cho phép; thành ra hơn hai năm làm đại đội trưởng của các tiểu đoàn, chạm địch nhiều lần mà thành quả không nhiều như hiện nay từ ngày tôi về đơn vị trinh sát này. Tướng Thanh gật gù suy nghĩ lời trình bày của tôi. Hơn nửa giờ liên hoan, tư lệnh ra dấu muốn đi xem quanh một vòng doanh trại; tôi đứng dậy mời ông đi theo tôi. Sau khi quan sát về xộc xệch của các căn nhà vách gỗ lợp đã bước sang thời kỳ sắp “sập”, ông quay qua hỏi thiếu tá Bình:

- Sao không cho sửa sang doanh trại này?

Thiếu Tá Bình cho biết, doanh trại vốn là khu gia binh của một đơn vị công binh tạo tác đồn trú nhưng sau khi hoàn thành công việc của Tiểu Khu giao nên đã rút đi nơi khác. Phòng Nhì Sư Đoàn muốn gom các đại đội TS về tập trung tại Mỹ Tho để dễ bề điều động nên có hỏi mượn tiểu khu doanh trại này. Tướng Thanh nói Thiếu Tá Bình hãy liên lạc ngay với Tiểu Khu cho người sửa chữa. Trường hợp không có kinh phí thì Phòng 4 SĐ phải làm công việc này.

Sau đó phái đoàn lên xe ra về. Tôi tiếp tục trở lại cùng đại đội ăn uống liên hoan.

Tám

Thực tình đây không phải là lần gặp gỡ thân mật đầu tiên của Tướng Thanh và tôi. Tôi từng gặp ông nhiều lần trong các

cuộc họp hành quân hoặc trong các cuộc họp rút kinh nghiệm sau mỗi chiến thắng hay thất bại. Về đêm tĩnh, từ tốn toát ra từ cung cách cư xử, lời nói của ông luôn làm cho những ai từng làm việc dưới quyền đều quý mến và cảm phục. Ông thường dùng bữa trưa tại Câu Lạc Bộ Sĩ Quan Sư Đoàn trên một chiếc bàn vuông nhỏ, đặt trong một góc phòng. Chung quanh ông các sĩ quan khác, hoặc vắng lai, hoặc cơ hữu của BTL ngồi chung nhau ăn uống ồn ào. Bàn ăn của ông cũng chỉ gồm ba món như những sĩ quan khác: một món canh, món xào, và một món cá hoặc thịt kho mặn, không bia rượu, không thuốc lá. Tôi còn được biết, trong các cuộc hành quân lớn hay nhỏ do sư đoàn tổ chức, ông ngồi trên máy bay trực thăng chỉ huy cả ngày là thường. Trong nhiều trường hợp, bữa ăn trưa chỉ là ổ bánh mì mà cả phi hành đoàn cùng các sĩ quan tham mưu đi theo ông dùng. Đầu bếp của sư đoàn mang ra sân bay phát cho mỗi người một ổ giống nhau!

Tính giản dị, lời nói đồng đạch nhưng khoan thai, phong thái trang nghiêm nhưng không bao giờ tạo nên sự lo sợ cho người đối thoại. Ông là mẫu người lãnh đạo mẫu mực mà tôi không thể quên.

Trong cuộc sống quân ngũ, tôi đã từng được phục vụ dưới nhiều cấp chỉ huy. Có những người coi đơn vị như một phương tiện để mang đến những tính toán, lợi lộc cho cá nhân; coi nhân viên dưới quyền như một thứ thuộc hạ, gia nhân. **Có những người coi đơn vị như một gia đình, đồng đội như anh em, đồng chí hướng, coi quyền lợi của đơn vị trọng hơn quyền lợi riêng tư, xương máu của đồng đội cũng quý như sinh mạng của chính mình. Ông thuộc mẫu người thứ hai.**

Tướng Thanh xuất thân Khóa 4 Đà Lạt. Trong cuộc đời quân ngũ, ông kinh qua nhiều vai trò chỉ huy khác nhau. Ông trưởng thành trong binh nghiệp theo thứ tự từng nấc thang từ chỉ huy cấp trung đội, đến tiểu đoàn, trung đoàn, và sau đó là cấp sư đoàn, rồi quân đoàn. Cũng có một thời gian ngắn ông giữ chức vụ quản trị hành chánh; ông cũng

từng làm tỉnh trưởng tỉnh Long An, quê của ông.

Ngày 2 tháng năm 1970, trong cuộc hành quân phối hợp quy mô cấp quân đoàn. Quân đoàn 4 do ông chỉ huy, huy động lực lượng cơ hữu của hai sư đoàn 18 và 21 để càn quét VC tại mật khu Mỏ Vẹt. Chiếc phi cơ chỉ huy của ông bị tai nạn do một chiếc phi cơ võ trang khác, sau khi trút hỏa lực vào địch, bay ngược trở lên đụng trúng. Cả hai chiếc phi cơ đều nổ tung. Tất cả mọi người trên hai chiếc máy bay đều tử nạn. Ngày hôm ấy tôi đang chỉ huy Tiểu Đoàn 2/44, phối hợp hành quân cùng một đơn vị Không Kỳ của Hoa Kỳ tại vùng Thiện Giáo, Phan thiết. Thực sự tôi chỉ được biết tin Tướng Thanh tử nạn, hai ngày sau khi cuộc hành quân tảo thanh chấm dứt và đơn vị tôi trở về Phan Thiết nghỉ dưỡng quân.

Cái chết của ông có lẽ là tín hiệu rõ nhất cho kết quả cuối cùng không mấy tốt đẹp của cuộc chiến tranh. Đất nước điêu linh, cuộc chiến đấu đang trong giai đoạn cam go kịch liệt. Ông là một trong những vị tướng tài ba, đức độ của quân đội đã ra đi trong lúc cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn định đoạt cuối cùng.

Tài ba trong chỉ huy, tận tụy trong công việc, thanh liêm đạo đức trong cuộc sống, ông là tấm gương sáng của một tướng lãnh để tôi hãnh diện vì từng được phục vụ dưới quyền. Tôi luôn tin rằng lịch sử Việt Nam sẽ ghi tên ông.

Chín

Giữa năm 1967, tôi bàn giao lại Đại Đội TS cho người bạn Nghệ Hữu Cung, cùng khóa. Tôi Về trình diện BCH/ TRĐ để về làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2/11. Niên Trưởng Nguyễn Văn Tạo, Khóa 16 cũng mới từ Trung Đoàn 12 chuyển sang nắm tiểu đoàn này trước tôi hai tuần. Cho tới cuối năm, tiểu đoàn trở thành một trong 2 tiểu đoàn chủ lực lưu động ứng chiến của SĐ đồn trú tại căn cứ Đồng Tâm, Mỹ Tho. Ở đây, tôi lại có dịp gặp gỡ các đồng môn của mình. Trong 4 đại đội

có tới 3 đại đội trưởng là dân Võ Bị thuộc từ các khóa 19, 20, và 21. Chúng tôi chia ngọt sẻ bùi và coi nhau thân thiết như anh em. Trận đánh tại Hòa Đồng, Gò Công và trận đánh trong dịp tết Mậu Thân đã mang lại uy tín cho tiểu đoàn. Tiểu Đoàn Chim Ưng Cổ Nâu (vì chiếc khăn quàng cổ màu nâu) từng làm cho các đơn vị CS nể mặt.

Tháng 5 1968, tôi được SĐ cho đi học lớp Chỉ Huy Tham Mưu tại Đà Lạt. Còn chưa đầy một tuần khóa học bế giảng, một buổi sáng đi ra một sạp báo gần trường, tôi đọc được tin dữ. BCH Tiểu Đoàn 2/11 bị đám cán binh CS, trà trộn theo số tân binh mới được bổ sung về tiểu đoàn, nội ứng đánh đặc công ngay trong giờ giải lao buổi tối lúc đang ngồi xem TV tại căn cứ Đồng Tâm. Tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó kiêm đại đội trưởng chỉ huy, sĩ quan hành quân, sĩ quan quân báo tiểu đoàn, sĩ quan tiếp liệu... đều tử thương vì lựu đạn của địch!

Tôi bàng hoàng không tin vào đôi mắt mình. Chiến tranh đã cướp đi bao nhiêu huynh đệ của tôi. Tôi nhớ tới Niên Trưởng Tạo, các niên đệ 19, 20, 21 đã ra đi trong lần nội tuyến ấy. Tôi thực tâm muốn được trở về lại đơn vị cũ và bức điện của trung tá Trần Tiến Khang trung đoàn trưởng càng làm tôi nôn nóng hơn. Ông viết vắn tắt.

- “Hãy về bàn giao gấp tiểu đoàn sau khi mãn khóa học. Nghi phép tính sau!”

Cùng lúc, Chuẩn Tướng Trương Quang Ân cũng được Bộ TTM chấp thuận bổ sung 4 sĩ quan vừa tốt nghiệp trong khóa học Chỉ Huy Tham Mưu Trung Cấp về thay thế một số tiểu đoàn trưởng của Trung Đoàn 44. Tôi lại lọt vào trong danh sách này!

Mãn khóa, tôi về lại Sài Gòn và xuống thẳng Mỹ Tho xin vào gặp TMT/SĐ - Đại Tá Ngô Lê Tuệ-- vốn dĩ cũng là trung đoàn trưởng cũ của Trung Đoàn 11 trước đây của tôi khi tôi còn là đại đội trưởng. Lúc này, Tướng Thanh đã về Vùng IV đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn IV vào cuối tháng

6 và SĐ được bàn giao lại cho Chuẩn Tướng Nguyễn Thanh Hoàng. Đại Tá Tuệ tiếp tôi trong văn phòng làm việc của ông và cho biết ông cũng đã nhận được phiếu trình xin giữ lại của Trung Đoàn 11, đề nghị SĐ can thiệp với TTM. Sư đoàn đã gửi công điện xin lưu giữ nhưng không được TTM chấp thuận. Lời cuối trước khi chia tay với tôi, ông bảo:

- Nếu còn Tướng Thanh, chắc ông có thể can thiệp được. Tướng Hoàng mới về chưa biết “toa” là ai nên cũng khó. Thôi, cứ thuận theo lệnh mà đi. Biết đâu lại là cái may không chừng.

Đại tá Tuệ là người có nét mặt như lúc nào cũng mỉm cười. Chiếc răng khểnh của ông luôn làm cho người đối diện vui theo lời nói của ông. Ông, xuất thân Khóa 5 Võ Bị, là một trong những sĩ quan đàn anh tôi mến phục.

Tôi ra trình diện BTL/SĐ23 của Tướng Trương Quang Ân, Thủ Khoa Khóa 7 Võ Bị, vào cuối tháng 8/1968. Từ đó cuộc đời binh nghiệp của tôi cuốn hút vào những trận đánh mới ác liệt ngày càng tăng. Tôi từ một Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/44, rồi trung đoàn phó, trưởng phòng hành quân SĐ, rồi trung đoàn trưởng. Thêm một lần bị thương vào tháng 8/1972 tại Kontum, cộng với hai lần khác vào các năm 64 và 67 ở Thạnh Phú, Kiến Hòa và Đồng Tháp là ba lần. Những vinh nhục, khó khăn, gian nan cực khổ của đời binh nghiệp luôn được bù trừ bằng tình đồng đội của các chiến hữu, các bạn đồng môn, đồng khóa trong các đơn vị tôi từng phục vụ.

Tôi đã trưởng thành trong binh nghiệp và hiểu biết nhiều hơn qua những gian nan thử thách của cuộc sống. Nhiều đêm trong vắng lặng, tịch mịch đơn độc, tôi tự đặt cho mình câu hỏi: **Nếu được tái sinh, tôi có còn chọn lại con đường đã đi qua hay không?** Câu trả lời đa phần vẫn là **sẽ chọn con**



đường gian nan nhưng hào hùng và thấm đẫm tình chiến hữu này.

Cuộc đời con người ngắn ngủi quá. Thoát cái mà cũng đã bước vào tuổi “cổ lai hy”. Chúng ta không ai chọn được cha mẹ mình, dân tộc mình. Đất nước có thể bỏ lại, sự nghiệp của cải danh tiếng có thể buông tay. **Nhưng cái tình, cái truyền thống rất khó bút ra khỏi tâm khảm mỗi con người. Võ Bị đối với tôi là một tình cảm thiêng liêng gắn chặt không rời. Trong vinh quang, tôi cộng chung chia sẻ cùng các niên trưởng, niên đệ của mình. Trong tù đầy, hành hạ tôi được các niên trưởng, niên đệ cru mang, an ủi vỗ về. Quân đội là ngôi nhà lớn, trong khi Võ Bị nằm chung trong khuôn viên căn phòng gia đình nhỏ bé của tôi.**

Mười

Sư Đoàn 7 là đơn vị đầu tiên tôi thực sự áp dụng những điều mình được học từ quân trường vào thực tế. Nói một cách ví von, giống như một cô gái rời nhà cha mẹ qua nhà chồng. Những ngò nghếch bỡ ngỡ phút ban đầu khi thực sự có quyền chỉ huy một trung đội lính dưới tay. Từ đó mỗi quyết định ban ra, mỗi phản ứng sai lạc có thể lấy đi mạng người khác, hay của chính mình. Tôi thực sự trở thành một con ốc nhỏ trong guồng máy chiến tranh khổng lồ. Có lẽ vì điều đó cho nên tới bây giờ mỗi lần hồi tưởng, Sư Đoàn 7 vẫn là đơn vị mang nhiều kỷ niệm khó quên trong tôi. Đơn vị sau đó là Sư Đoàn 23 cho tôi không biết bao nhiêu kinh nghiệm khác trong các trận mạc gay cân khốc liệt hơn nhiều lần. Chắc vì tôi đã trưởng thành hơn, dày dặn hơn nên những cảm xúc cho dù có mới mẻ cũng đã khó tạo nên trong tôi những kỷ niệm sâu sắc, không thể nào quên như đã từng có trong đơn vị cũ.

Bây giờ là tháng 6. Ngày Quân Lực năm nay tiếp theo sau ngày Father Day. Một đội quân từng chiến đấu hào hùng đương đầu với CS xâm lăng giờ đây đã không còn. Nhưng truyền thống và sự nhục vinh của nó vẫn còn đọng lại trong đầu những người lính trẻ ngày nào. Kể chiến bại

luôn là kẻ cô đơn. Tôi luôn cố gắng giữ gìn sự cô đơn đó trong thành tín rằng mình đã chọn và đi đúng con đường đáng chọn khi quốc gia lâm nguy. Giờ đây, hồi tưởng lại những kỷ niệm xưa cũ, tôi vẫn thấy tự hào về con đường mình đã chọn, về ngôi trường Mẹ mà tôi đã được xuất thân. Tôi vẫn thấy sự ám áp trong mỗi lần gặp gỡ những đồng môn, đồng khóa của mình.

Trên chiến trường, tiếng xung hô “niên trường“ của một đàn em tốt nghiệp sau mình gọi lên biết bao nhiêu tình đồng đội, tương tự như khi bản thân gặp một đàn anh, khóa trước. Cấp bậc, chức vụ có thể mất vì sự lầm lẫn trên chiến trường hoặc trong cung cách cư xử; nhưng anh em thì còn mãi vì nó được gắn với nhau bằng cái tình, về một ràng buộc vô hình có tên là Truyền Thống Võ Bị. Khi sợi dây đó đứt, tình sẽ nhạt phai và chấm dứt. Chàng sĩ quan Võ Bị sẽ không còn gì để tự hào với chính bản thân và cho con cháu mình nữa. Đó là lý do tại sao trong ngày Quân Lực năm nay, tôi thấy buồn hơn bao giờ khi đọc được những bài viết nhằm lãng mạ cá nhân giữa những đồng môn của tôi tràn đầy trên nhiều diễn đàn, qua các email của khóa forward lại.

Tôi thực sự không đoán biết được sự kiện phân hóa này sẽ dẫn tới đâu, nhưng tôi biết chắc, từ nay, sau lần giông bão này chúng ta sẽ chẳng còn gì ngoài sự bẽ bàng, chán nản khi gặp nhau. Thua một trận chiến là một thất bại, nhưng tự mình triệt tiêu tinh thần chiến đấu của mình là một thảm bại. Những người thất bại có thể đứng lên tìm lại chiến thắng từ nơi mình ngã xuống, nhưng những người thảm bại thì không bao giờ, bởi vì họ đã chết thực sự rồi.

Rất mong là chúng ta sẽ mau sớm hiểu ra ý nghĩa thực sự của câu phương châm trên huy hiệu chúng ta đã mang trong suốt thời SVSQ: **Tự thắng để chỉ huy.**

Ngày Quân Lực 19 tháng 6 2017



Hồi ký

Sài Gòn, 30 Tháng Tư

Trần Văn Hiến, VHV

Hiệp định Paris được chính thức ký kết vào ngày 27/1/73 gồm nhiều điều khoản bất lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Chính phủ Nixon biết vậy, nhưng không có cách nào khác.

Khi Tổng Thống Nixon ra tranh cử vào năm 1969, ông hứa hẹn giải quyết chiến tranh VN và mang quân đội Hoa Kỳ về; nhưng khi đắc cử, ông xem chiến tranh VN là chuyện nhỏ chưa cần giải quyết gấp mà mục tiêu chủ yếu là thực hiện chủ thuyết cân bằng lực lượng thế giới thì mới giải quyết được chiến tranh.

Sau Đại Chiến Thứ Nhì, cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu. Ở Âu Châu, khối Nga Xô chiếm được một số các nước Đông Âu, trong khi ở Á Châu Trung Cộng đang bành trướng mạnh, hăm dọa nền an ninh và quyền lợi Hoa Kỳ ở Đông Nam Á. Vì thế, chính phủ Eisenhower đưa ra chủ thuyết Domino, hàm ý hễ một quốc gia Đông Nam Á lọt vào tay CS thì cả vùng sẽ sụp đổ theo. Chủ thuyết này được các chính phủ HK kế tiếp duy trì.

Tổng thống Nixon, sau khi thành công trong kế hoạch chia rẽ được Nga Xô và Trung Cộng và giành được ảnh hưởng của khối Á Rập ở Trung Đông, bắt đầu giải quyết chiến tranh VN. Là một người chống Cộng triệt để và binh vực cuộc tranh đấu của VNCH, nhưng trước sự đòi hỏi của dân chúng Hoa Kỳ, ông phải giải quyết hoà bình gấp. Trước áp lực của Quốc Hội, Hoa Kỳ buộc lòng phải ký kết Hiệp định Paris, với những điều khoản bất lợi cho VNCH.

Trong hội nghị hòa đàm Paris một số điều khoản được thông qua dễ dàng, trừ 2 điều quan trọng mà cả 2 phe bàn cãi đây đưa trong 4 năm, là:

1. Giải tán chính phủ Nguyễn văn Thiệu để thành lập chính phủ gồm 3 thành phần.

2. Quân đội Hoa Kỳ phải đơn phương rút lui.

Trong thời gian hòa đàm, Hoa Kỳ đã tổn thất thêm 25.000 quân. Cuối cùng 2 phe đi đến thỏa thuận:

1. Chính phủ Nguyễn văn Thiệu vẫn cầm quyền, và sẽ có một cuộc bầu cử gồm 3 phe tham dự.

2. Quân đội ngoại quốc rút ra khỏi miền Nam, hàm ý quân đội CS không phải là ngoại quốc vẫn được quyền ở trên lãnh thổ miền Nam.

Những điều khoản bất lợi này không được chính phủ VNCH chấp nhận. Chính phủ Nixon, ở vào cái thế không đừng được, phái ông Kissinger sang thuyết phục TT Thiệu. Ông Thiệu không chịu, đã quay lưng, khiến ông Kissinger về tay không. Ông đã thú nhận,

- “Trong cuộc đời chính trị hơn 15 năm, tôi chưa bao giờ gặp cảnh ngộ như vậy.”

(1) Sau đó tướng Alexander Haig, phụ tá Cố Vấn An Ninh Quốc Gia, được phái qua thuyết phục Tổng thống Thiệu. Ông Thiệu vẫn giữ lập trường không nhượng bộ và đã hỏi lại ông Haig,

- “Ông là tướng, tôi cũng là tướng, giả sử có cuộc xâm lăng của Nga Xô trên lãnh thổ Hoa Kỳ, và nếu có một cuộc ngưng chiến, ông có chấp nhận để quân đội Nga Xô ở lại trên đất Mỹ không?”

(2) Tổng thống Nixon hiểu rõ hoàn cảnh, nhưng không có cách nào khác trước áp lực của lưỡng viện Quốc Hội, nên lại phái ông Kissinger sang Sài Gòn lần thứ 2, với một lá thư cầm tay, cam kết chính phủ Hoa Kỳ sẽ can thiệp mạnh nếu CS

vi phạm hòa ước. Do đó, cuối cùng chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đồng ý ký kết hiệp định Paris.

Tổng Thống Nixon được tái cử nhiệm kỳ 2, và Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/1/73. Nhưng không may, những biến cố khác dồn dập xảy ra: Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua việc cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự; tiếp theo tháng 6/73, không cho sử dụng không lực Hoa Kỳ ở VN, Lào, và Kampuchea; rồi tháng 7/73, với đạo luật War Power Act, không cho gửi quân đội Hoa Kỳ ra ngoại quốc; và cuối cùng sự từ chức của Tổng Thống Nixon vì vụ Watergate vào tháng 8/74. Từ đây, thì số phận miền Nam coi như không còn được ai lưu ý nữa. Trong khi đó, CS miền Bắc được khôi CS viện trợ hùng hậu đang chuẩn bị chiến tranh đánh chiếm miền Nam.

Sau trận mùa Hè Đỏ lửa 1972, lực lượng CS bị thiệt hại nặng nề và gặp khó khăn về tiếp liệu vì bị Hải Quân Hoa Kỳ gài mìn phong tỏa vịnh Bắc Việt và bị oanh tạc nặng. Nhưng sau Hiệp định Paris 73, Tướng Văn Tiến Dũng củng cố lại tất cả các sư đoàn ở vùng giới tuyến. Vào đầu 74, Tướng CS Dũng trang bị lại tất cả sư đoàn với vũ khí tối tân, xây cất những đường sá mới, thiết lập những ống dẫn dầu để yểm trợ cho công việc tiếp vận vào miền Nam, thiết lập những trung tâm huấn luyện, dựng lên những trung tâm sửa chữa, dự trữ đồ tiếp liệu và thành lập những đơn vị cứu thương. Cho nên vào cuối 74, quân đội CS không còn sợ vấn đề tiếp liệu nữa.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thúc giục Văn Tiến Dũng mở cuộc tấn công miền Nam, nhưng Ủy Ban Quốc Phòng gồm Giáp và Dũng tỏ ra e dè. Trong buổi họp Bộ Chính Trị CS năm 74, Dũng tiên liệu phải mất nhiều năm để xâm chiếm miền Nam vì sự can thiệp của không lực Hoa Kỳ. Trước khi mở cuộc tổng tấn công miền Nam, Văn Tiến Dũng chọn tỉnh Phước Long làm mục tiêu tấn công, cách Sài Gòn 40 dặm phía Đông Bắc, để đánh giá tình hình quân lực VNCH. Vào ngày 26/12/74, Dũng cho hỏa lực pháo kích.

Vào ngày 5/2/75, y tung 2 sư đoàn với thiết giáp và pháo binh yểm trợ tấn công thị xã. Máy bay B.52 không xuất hiện, còn không lực VNCH quá yếu nên đành rút bỏ khỏi tỉnh. Phước Long mất ngày 6/2/75 cho thấy Hoa Kỳ không can thiệp, nên VTD mở cuộc tấn công Ban Mê Thuột. Chiến lược của Dũng là giương Đông kích Tây, nghĩa là khuấy rối chỗ này, rồi tập trung lực lượng đánh chỗ kia. Dũng cho một đơn vị khuấy rối Pleiku, trong khi tung 3 sư đoàn đánh Ban Mê Thuột.

Cuộc tấn công bắt đầu ngày 10/3/75 và BMT thất thủ ngày 11/3/75. Theo một số nhà quân sự ngoại quốc, tình hình chưa



Những người lính cuối cùng tại cầu Saigon vào ngày 30 tháng 4 năm 1975

đến nổi bi quan, nhưng ông Thiệu có những quyết định vội vàng và hoảng sợ, bỏ Pleiku và Kontum để phản công tại Ban Mê Thuột; và bỏ Quảng Trị và Huế để cố thủ Đà Nẵng (3). Đà Nẵng rơi vào tay CS ngày 29/3. Như vậy CS đã chiếm trọn Vùng 1 Chiến thuật. Dũng tiếp tục xua quân chiếm vùng 2 Chiến Thuật. Từ đây, quân đội VNCH sụp đổ nhanh chóng.

Ngày 25/3, Văn Tiến Dũng được lệnh chiếm Sài Gòn trước mùa mưa, vào giữa tháng 5. Dũng liền tung 16 sư đoàn bộ binh, hàng trăm chiến xa, đại bác và hỏa tiễn, súng phòng

không vào thành phố Sài Gòn.

Đầu tháng 4/75, lực lượng CS gồm 18 sư đoàn tiến về Sài Gòn theo 5 mũi dùi với mục đích đánh chiếm thành phố chớp nhoáng, để tránh cuộc ác chiến giành từng khu phố. Bất lực, ông Thiệu từ chức trao lại chính quyền cho cụ Trần Văn Hương và rời VN ngày 21/4, giữa lúc Xuân Lộc, cửa ngõ vào Sài Gòn, rơi vào tay CS.

Sài Gòn trong những ngày đầu tháng 4/75 bao trùm không khí chiến tranh. Thành phố và các vùng phụ cận đầy nghẽn dân chúng di tản từ cao nguyên và các tỉnh miền Trung về. Họ ngơ ngác như những kẻ mất hồn vì gia đình thất lạc, tài sản tiêu tan, hoàn cảnh thật đau thương. Có người lạc vợ hay mất chồng; có người bỏ mạng vì chen lấn, hay chết đói, chết khát trên những tàu cũ kỹ, thiếu an toàn, khi di tản từ Đà Nẵng vào Sài Gòn một cách liều lĩnh; có người rơi xuống biển, hay chết thê thảm, khi chiếc tàu kéo theo đứt dây trôi ra biển cả.

Giữa lúc đó, tin tức thất trận các nơi gởi về hàng ngày khiến dân chúng càng hoang mang; đồng thời có những tin đồn thất thiệt như chính phủ Hoa Kỳ đang điều đình ngưng chiến, hay phi cơ B.52 sẽ xuất hiện vào giờ cuối cùng, hay Trung Cộng đang làm áp lực ở biên giới Bắc Việt để CS rút quân. Trong khi đó, một số người tìm cách vào sân bay Tân Sơn Nhất để di tản ra ngoại quốc, với các kiều dân và nhân viên Hoa Kỳ.

Cụ Trần Văn Hương được mời ra lập chính phủ. Buổi lễ bàn giao được TV Sài Gòn trực tiếp truyền hình. Cụ trông già nua, mái tóc bạc phơ, giọng run run như khóc. Cụ thống thiết kêu gọi dân chúng siết chặt hàng ngũ sau lưng quân đội và nguyện hy sinh hơi thở cuối, cùng tâm thân già để phục vụ đất nước, nhưng chẳng mang lại được chút hy vọng cho mọi người.

Tình hình Sài Gòn càng nguy ngập hơn, các trục lộ nối liền với Tây Ninh, Vũng Tàu, và Cần Thơ đều bị cắt đứt.

Được non một tuần, cụ Trần Văn Hương nhường lại cho Tướng Dương Văn Minh vào ngày 28/4 để điều đình ngưng

bắn với CS. Trong khi đó, một phi đội phản lực CS gồm 5 chiếc A37 tịch thu được của Không Quân VNCH, dội bom xuống phi trường Tân Sơn Nhất, phá tan kế hoạch di tản nhân viên Hoa Kỳ bằng không vận. Siết chặt vòng vây Sài Gòn, sáng 29/4 CS bắt đầu pháo kích hỏa tiễn 120mm vào trung tâm thành phố. Tiếng đạn nổ rền trời. Một quả rơi xuống xóm Bùi Viện gây nên một đám cháy lớn, trong khi một quả rơi xuống sân chùa Chà cuối đường Lê thánh Tôn. Tiếng nổ nghe tan tành, cả khu phố rung rinh, may không gây thiệt hại gì cả. Một bà già thấy dấu vết quả đạn để lại trong sân chùa, nói với lòng thành kính,

- “Thật nhờ Đức Bà che chở!”

Sáng 30/4/75, Tướng Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn lúc 10.15 trao chính quyền lại cho quân CS để tránh đổ máu.

Trường VBQGVN di tản từ Đà Lạt về đồn trú ở căn cứ Long Thành trên đường đi Vũng Tàu. Bộ chỉ huy hầu như tan rã. Như rấn mất đầu, chúng tôi không biết phải làm gì và ngồi chờ mệnh lệnh. Tôi về Sài Gòn thăm gia đình, và khi trở lại đơn vị thì trục lộ Sài Gòn -Vũng Tàu bị cắt đứt nên bị kẹt ở đây.

Đứng trên sân thượng ngôi nhà ở phố Nguyễn Phi gần chùa Chà, tôi nghe tiếng chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa Đại sứ Hoa Kỳ, ở Sài Gòn vào chiều ngày 29 tháng 4. Tôi đã bàng hoàng, sững sờ không ngờ Sài Gòn mất quá đột ngột và cảm thấy như kẻ bị bỏ rơi trên hoang đảo, vì từ đây bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Sáng hôm 30 tháng 4, khi nghe tiếng xe tăng của quân CS chạy vào thành phố, tôi run người lên. Trước viễn ảnh một cuộc tắm máu ở Sài Gòn như ở Phnom Penh, tôi lấy kéo cắt vụn tấm thẻ căn cước sĩ quan bọc nhựa và thủ tiêu những tấm hình mặc quân phục, với hy vọng ngậy ngô có thể tẩy xóa cuộc đời lính của mình. Suốt mấy ngày tôi không dám ra đường, lòng lo sợ như người mất hồn. Một người bạn làm

việc ở Bộ Giáo Dục ghé lại thăm nói,

- “Tôi đến rủ cậu đi phố chơi, có gì mà sợ, tôi vẫn đi làm việc bình thường và được lãnh lương tháng này...”

Tôi nghĩ thầm, trong cuộc tử võ, các võ sĩ chọi nhau lỗ đầu chảy máu, nhưng khi vẫn cuộc họ ôm nhau trong tình huynh đệ; ngược lại trong cuộc chiến tranh giữa 2 nước, nhất là trong cuộc nội chiến VN, khi cuộc chiến tranh tàn không có nghĩa là huê cả làng, mà phe Quốc Gia bại trận phải chịu những sự trừng phạt và trả thù không lường được của phe CS. Tôi đang thất thom chờ đợi một hình phạt mà không biết xảy ra khi nào.

Một tháng sau, tôi cũng như tất cả các quân dân chính khác đi trình diện “học tập”. Tôi trình diện ở trường Gia Long. Nghe



Tại bến tàu Saigon, ngày 30 tháng 4 năm 1975.

đi “học tập”, vợ tôi tưởng như đi học chính trị nên vẫn đi thăm bà ngoại đau nặng ở Nha Trang. Tôi mang theo mùng mền, 2 bộ áo quần, bàn chải, kem đánh răng, chén đũa và tiền ăn tiêu trong 10 ngày, như được thông báo. Tôi bớt lo sợ vì thấy trước đó binh sĩ chỉ đi học 3 ngày tại phường, rồi được về nhà.

Tôi hôn 3 đứa con và nói,

- “Các con hãy ngoan ngoãn, ba sẽ về cuối tháng.”

Chiếc xe Lam đỏ xuống trước chùa Xá Lợi, trên đường Bà

Huyện Thanh Quan. Tôi xuống xe và bước trên lề đường đến trường Gia Long. Người trình diện đi tùm năm, tùm ba trông giống như thí sinh đi thi Tú Tài. Nhưng một điều không giống là thay vì cầm bút mực thì người nào người nấy đều cầm một cái xách tay, hay mang một cái sắc trên vai.

Thấy một cậu khoảng trên 20 tuổi, thấp và mập mang một cái ruột tượng quanh vai, tôi mới hỏi thân mật,

- "Bồ mang cái gì mà trông như lính thú ngày xưa vậy?"

- "Em xấu máu đói, nên sợ đói lắm. Me em may cái ruột tượng này chứa đầy gạo." Cậu vui vẻ trả lời.

Tôi nghĩ thầm đi học 10 ngày có chết gì đâu, có tiền mang theo muốn ăn gì không được. Hóa ra cậu này có lý, chắc cậu này đã có ai ở ngoài Bắc vào nói cho biết.

Tôi đứng nối hàng trước chiếc cửa hông trường Gia Long. Một tên bộ đội thân nhận giấy trình diện, hễ ai nộp giấy tức là cửa ngục khép lại. Ai dại dốt đến hỏi, dù không phải là hạng đi học tập, là tự nộp mình một cách oan uổng. Có tiếng chào,

- "Thầy Chín! Thầy cũng trình diện ở trung tâm này?"

Tôi thấy mặt quen, nhưng không nhớ gặp ở đâu. Sau này ở cùng một tổ, tôi mới biết đó là anh Vũ Công Nghĩa, sinh viên VBQG, K23.

Mọi người ngồi xôm giữa sân thành hàng. Nhìn những tên bộ đội này, tôi nhớ lại 5 năm trước đây khi bị bắt dẫn vào rừng Liên Khương, Đà Lạt. Tôi đã thấy những khuôn mặt VC đội nón cối như thế. Nhờ tôi nhất định không ra đầu thú, nên thoát chết. Nay số phận trở trêu, miền Nam mất, hết đường chạy trốn nên tôi phải nộp mình.

Sân trường Gia Long đầy người, hễ cứ đủ 11 người, người ngồi đầu là tổ trưởng, và người cuối là hậu cần. Tôi tình cờ ngồi đầu toán nên tự nhiên làm tổ trưởng ngay từ phút đầu. Rồi một tên bộ đội khác dẫn vào trong một lớp học. Một chốc sau, loa loan báo hậu cần thu tiền mỗi người 10\$ để trả tiền

ăn 2 buổi trong ngày. Đến 11 giờ một chiếc xe van của nhà thầu mang thức ăn đến. Com nóng và 3 món ăn tươm tất ngon lành để mọi người ngồi ăn. Có người và ngậy thơ nói, “Chúng mình ở 10 ngày như vậy thì chẳng đến nỗi nào.” Tôi cũng nghĩ thâm trong bụng như vậy! Phòng chúng tôi ở tầng hai trường Gia Long. Khi ăn xong, ai nấy phải chạy xuống lầu để rửa chén đĩa. Một người bạn trẻ, tôi mới gặp lần đầu tiên, thấy tôi đi xuống lầu thì nói thân mật,

“Anh khỏi mất công đi xuống, đưa chén đĩa em rửa dùm.”

Ban đêm chúng tôi đâu bàn lại làm giường ngủ. Tôi đang loay hoay treo chiếc mùng ngăn cản cơn mà bọn nhà thầu và quân nhu cầu kết ăn xén bớt thì một người bên cạnh nói,

“Chiếc mùng của tôi rộng, anh cùng ngủ với tôi, khỏi treo.”

Thì ra tình huynh đệ đùm bọc lẫn nhau.

Suốt 3 ngày, hết chờ ăn lại ngủ tôi chẳng thấy động tĩnh gì cả. Đến tối ngày thứ 3, tất cả được gọi ra sân tập họp và được lừa lên những chiếc xe Zil đã đậu sẵn từ khi nào không hay trên đường Phan Thanh Giản, cứ mỗi xe khoảng 40 người. Chiếc Zil nhỏ hơn chiếc GMC, nên phải đứng chen nhau, hành lý phải bỏ xuống sàn và dẫm chân lên trên, rồi mui xe được buông xuống. Đoàn xe chạy theo đường Phan Thanh Giản, rồi biến mất trong đêm chẳng biết phương hướng nào.

Mặc dù xe đã chạy nhưng vì xe bít bùng chật chội, cũng như số người quá đông, khiến người thì kiễng chân, một tay níu trần xe; có người mỗi chân nằm liềm trên đồng hành lý; có người buông mình mặc cho người khác xô đẩy. Không khí ngột ngạt, thỉnh thoảng có tiếng văng tục, “Đ.M. chật quá, chịu hết nổi.” “Đ.M. thằng nào đánh rắm thối quá.”... Xe chạy suốt đêm, mệt mỏi, và nóng nực khiến tôi chớp mắt khi nào không hay. Khi nghe tiếng ồn huyền não khiến tôi choàng tỉnh, thì xe đã đến nơi. Mui xe được vén lên, và mọi người nhảy xuống. Có người đi loạng choạng, có người tê chân ngồi một chốc mới đi được. Trời tối chẳng biết đây là chỗ nào? Có

người nói nhỏ,

- “Đây là căn cứ của Sư Đoàn 5 Trảng Lớn, Tây Ninh.”

Trảng Lớn! Đây là chặng đầu trong chuỗi đảo “học tập” (thực tế là đày ải, khổ sai).

Chú Thích:

1) Kissinger, Walter Isaacson, Simon & Schuster., New York, 1992.

(2) Ibid.

(3) Victory at Any Cost, Cecil B. Currey, Aurum Press Limited, 1997.



Chúc mừng các NT, cùng toàn thể đại gia đình VÕ BỊ một mùa GIÁNG SINH, một Năm Mới

BÌNH AN - THỊNH VƯỢNG - ĐOÀN KẾT.

*Tôi đã lưu giữ tấm thiệp này (được in từ Trường năm 1971), từ 46 năm qua.

*Trần Văn Hồ, Khóa 27
25 tháng 12 năm 2017*

Mùa Tạ Ơn

Tôi Xin Tạ Ơn Người



Trần Kim Băng E/20

Tháng Mười Một hằng năm là lúc để người Mỹ tổ chức Lễ Tạ Ơn -- tạ ơn Người, tạ ơn Trời, tạ ơn Đất -- một truyền thống lâu đời rất tốt đẹp của nước Mỹ về lòng biết ơn. Tháng Mười Một cũng là lúc để người Mỹ đoàn tụ với gia đình sau một năm làm việc vất vả. Nhân dịp này, vì là công dân của nước Mỹ, tôi cũng xin tạ ơn người Mỹ, tạ ơn nước Mỹ, và xin tạ ơn toàn thể quý niên trưởng, quý bạn. Xin kính chúc toàn thể quý niên trưởng, quý bạn và quý quynh một Mùa Tạ Ơn thật an bình.

Tháng Mười Một, tiết mùa Thu êm dịu, trong không khí an lành của Mùa Tạ Ơn trên đất Mỹ, tôi chạnh lòng nhớ về những mùa Thu Đà-Lạt, nói rõ hơn là ‘Mùa Thu Võ-Bị’. Mùa Thu Võ-Bị không chỉ là mùa thu ‘đoàn tụ’ như mùa Thu nước Mỹ, mà còn là mùa Thu ‘lên đường’, mùa Thu ‘chia tay’ của Võ Bị.

Trước 1975, năm nào cũng vậy, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã từng có cùng một lúc hai mùa Thu: *mùa Thu đoàn tụ* dành cho những người vừa mới bước vào đời binh nghiệp, và *mùa Thu chia tay* dành cho những người đã hoàn tất chương trình huấn luyện lên đường bảo vệ Tổ Quốc. Ngày chia tay, những tân sĩ quan vui mừng và lưu luyến tạm biệt đội 1515 ở Đà-Lạt, tạm biệt anh em và tạm biệt nhau để lên đường phục vụ đất nước, hẹn ngày tái ngộ, lòng trong niềm mơ ước một mai quê hương thanh bình.

Thế nhưng vì những lỗi lầm cực kỳ nghiêm trọng của thời cuộc trong một giai đoạn lịch sử bi thương, cho nên con ‘đại

hồng thủy' tháng Tư 1975 mới đổ ập vào quê hương, đã cắt đứt mọi niềm mơ ước. Và cho đến nay đã 42 năm, niềm mơ ước vẫn chỉ là một giấc mơ dài... chưa dứt. Hoặc cũng có thể nói, niềm mơ ước đã biến thành "Giấc Mơ Hồi Hương" không thể thực hiện, mà cách đây 63 năm nhạc sĩ Vũ Thành đã dùng để đặt tựa đề cho một sáng tác nổi tiếng của ông.

Trong "*Giấc Mơ Hồi Hương*", tác giả nhạc sĩ Vũ Thành cho biết là ông đã "*liạ xa thành đô yêu dấu một sớm khi heo may về*" và đã từng "*nghe ngào thương nhớ 'em'... Hanoi...*" trong suốt 20 năm định cư và hoạt động ở Saigon. Thế mà giấc mơ của ông vẫn không thể biến thành sự thực, mà ngược lại, giấc mơ cứ kéo dài thêm... và dài thêm mãi! Dĩ nhiên giấc mơ của ông vào năm 1954 cũng là giấc mơ của hàng triệu người đã cùng "*liạ xa thành đô yêu dấu*" như ông để đi tìm cuộc sống tốt đẹp ở miền Nam, thế nhưng họ đã im lặng vì không có khả năng như ông để nói lên tâm tình của mình. Và trong số hàng triệu người đó, rất nhiều người ngày nay đã trở thành 'người thiên cổ' như ông. Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn rất nhiều người, trong đó có tôi vẫn còn đang ôm 'giấc mơ hồi hương' của ông... mà chẳng biết đến bao giờ thì giấc mơ ấy mới thực hiện được, nhưng họ vẫn cứ mơ, cứ chờ. Nếu còn hơi thở thì vẫn còn mơ và vẫn cứ chờ cho dù biết rằng mình đang mơ trong nỗi khắc khoải, mông lung,... mơ hồ!

Một người đi sau nhạc sĩ Vũ Thành, tâm tình nặng trĩu và rất gần gũi với tâm tình của Vũ Thành là nhạc sĩ Anh Bằng cũng đã kể lại: "*Tôi xa Hà-nội năm lên 18 khi vừa biết yêu*", và ông cũng đã từng tâm sự với mọi người, mặc dù hôm nay, "*Sài-gòn bao nhiêu tà áo khoe màu phố vui*", thế mà riêng ông thì vẫn cứ mang nặng, "*tâm tư sầu lắng đi trong bụi ngùi*". Cho đến lúc gần đây, ở Nam California có lẽ ông đã chìm đắm trong nỗi khắc khoải, mông lung, mơ hồ, để rồi cùng với Vũ Thành, ông đã ôm *giấc mơ hồi hương* sang bên kia thế giới.

Trong ngày Tạ Ôn hôm nay (23-11), rảnh rỗi, ngồi nghe, gặm nhấm lại một vài bản nhạc xa xưa, niềm cảm xúc tự nhiên

dâng trào, thúc đẩy tôi viết ra đây vài hàng thô thiển, nhưng rất chân thành tạ ơn hai vị, tác giả của những dòng nhạc ân tình cổ điển, và xin cầu chúc hương linh **hai nhạc sĩ tài hoa đất Bắc, đã một thời khoác áo lính, sớm về an nghỉ nơi vùng trời miền viễn.**

Trên đây là hai vị nhạc sĩ miền Bắc đã di cư vào Nam năm 1954, cùng mơ ước có ngày trở lại nơi ‘chôn nhau cắt rốn’ của mình, mà không được toại nguyện. Nhưng cũng còn rất nhiều vị nhạc sĩ miền Bắc khác cũng di cư vào Nam cùng thời, đã cùng với các vị nhạc sĩ miền Trung và miền Nam rất tài hoa, cho ra đời những tác phẩm chứa nặng ân tình, với mạch sống quê hương, với lũy tre làng, với đồng ruộng, với đời lính, và với Chính Nghĩa miền Nam mà ngày hôm nay, bằng ý nghĩ tổng thể, tôi chỉ có thể viết ra đây lời tạ ơn chung **những bà Mẹ Việt Nam đã cho ra đời những người con rất đáng yêu (dù nam hay nữ, dù còn hay đã mất), rất tài hoa, đầy năng khiếu văn nghệ, giàu lòng hiếu thảo với đất nước.** Họ đã để lại cho đời những lời thơ mượt mà, những dòng nhạc bất hủ, mà ngay giữa lúc này tôi đang thường thức và viết những dòng chữ Tạ Ôn.

Tôi trộm nghĩ, mai kia một nọ, ngoài thế hệ của chúng tôi và một vài thế hệ đi sau nữa, có lẽ sẽ còn rất ít người biết thường thức những ngôn ngữ đầy chất thơ và mộng, với nhựa sống đong đầy, hòa lẫn vào nội tâm sâu thẳm tột cùng của từng tác giả, chất chứa trong những tác phẩm ‘vang bóng một thời’ của họ. **Tôi xin cảm ơn toàn thể các nhạc sĩ của quê hương Việt Nam, đầy tài, đầy năng lực sáng tác.**

Nhớ lại ngày 20 tháng Bảy 1954 là ngày chia đôi đất nước, đến cuối tháng Mười năm ấy thì tôi theo gia đình di cư vào Nam. Ngày ấy tôi chưa đầy 12 tuổi, vẫn thường nghe các anh lớn nghêu ngao, “*Ai có về bên bên Sông Tương, nhớ người duyên dáng tôi thương...*” Cho đến bây giờ, vẫn chưa tìm hiểu Sông Tương nằm ở đâu, nhưng tôi vẫn nhớ âm hưởng đó phát ra từ miệng các anh tôi. Hôm nay, tôi đang nghe lại bản nhạc

này, nhớ đến tác giả của bài hát, nhạc sĩ Thông Đạt, người con xứ Huế và tôi xin cảm ơn ông.

Tương tự, vẫn chưa một lần quay về thăm mái trường xưa, trường Saint Thomas ở Khoái Đồng, Nam Định, mà nhiều kỷ niệm thời niên thiếu nơi quê ngoại của tôi còn sót lại ở nơi đây. Hôm mừng 3 tháng Chín vừa qua, ngày Khóa 20 chúng tôi họp mặt ở San Jose, anh Vũ Tuấn Việt (đại đội A) mỗi lần gặp tôi đều nhắc lại những địa danh đầy kỷ niệm này, nào là phố Máy Tơ, đường Paul Bert, nơi có vườn hoa Con Cóc, có chợ Rồng, có Nhà Thờ Lớn Nam Định, và trên một con đường (mà tôi quên tên) dẫn ra Bến Tàu có chợ Cửa Trường, v.v... Tôi xin cảm ơn **anh Vũ Tuấn Việt đã nhắc nhở và cùng mang một ký ức như tôi.**

Còn nhiều nữa: tôi vẫn chưa một lần quay về thăm bến đò Tân Đệ, nơi mà tôi đã đôi lần qua sông bằng đò. Và nhất là tôi vẫn chưa một lần quay về nơi ‘chôn nhau cắt rốn’, làng Bồng Tiên, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, nơi có con đê vĩ đại để ngăn nước sông Hồng Hà, tôi vẫn chưa tìm hiểu con đê đó có tự hồi nào, ai đắp nên nó? Làng tôi còn có Chùa Keo nổi tiếng rộng lớn, các cột kèo trong chùa không một dấu đinh và được trạm trổ rất tinh vi khéo léo, rất nổi tiếng, nằm dưới chân bờ đê.

Và còn rất nhiều thứ khác nữa tôi vẫn nhớ như in và vẫn chưa một lần quay về thăm; nhưng tất cả vẫn nằm gọn trong ký ức rất mong manh mà tôi vẫn mong được nhìn thấy một lần trước khi nhắm mắt nhưng không phải trong hoàn cảnh hiện nay; như đã có lần tôi thưa với mẹ tôi, và hứa là sẽ về... trước khi tôi mạo hiểm vượt biên bằng ghe, hồi cuối năm 1986. Lời hứa với mẹ nay vẫn còn, nhưng mẹ tôi thì đã ra đi cách đây 17 năm. Tôi không thực hiện được ‘giấc mơ hồi hương’. Ngày mẹ mất, tôi đã thấp nhang cầu nguyện, xin lỗi mẹ, tôi đã không thể về để chịu tang, và cầu xin Chúa đem mẹ về với bố tôi, ngày tôi lên đường nhập ngũ ông chờ đợi tôi và đã ra đi đúng vào dịp tôi ra trường ngày chọn binh chủng, cuối

Thu năm 1965.

Tôi đã mừng tượng, có lẽ rồi đây, tôi cũng chẳng khác gì hai vị nhạc sĩ tiền bối, cũng sẽ ôm ‘*giấc mơ hồi hương*’ xuống ‘tuyên đài’! Thế là hết! Dù sao, ngay hôm nay, tôi vẫn cảm ơn **ông, bà, cha, mẹ và các bậc tiền nhân đã có công xây dựng nên vùng đất làng tôi**. Tôi không thể quay về trong hoàn cảnh hiện nay, nhưng thật sự đau lòng, nếu mai đây, chẳng may quê tôi bị đổi tên, đổi chủ, tương tự như một số đảo trong vùng Biển Đông mà lúc nào cũng làm nổi sóng trong lòng người dân Việt, thì thật bất hạnh! Tôi không dám nghĩ tiếp!

Sau 1954, quê hương thứ hai của tôi là Saigon, hay nói rộng ra là cả miền Nam tính từ sông Bến Hải đến mũi Cà Mau. Cả một vùng trời bao la, hiền hòa của miền Nam, nơi đã nuôi tôi lớn lên và làm việc giúp đời, với bao kỷ niệm, tôi nghĩ, có lẽ sau nhiều lần Lễ Tạ Ôn giống như hôm nay, vẫn không đủ thời giờ để cho tôi kể hết mọi chi tiết, mọi ân tình. Cho nên tiện đây, tôi chỉ xin viết đôi dòng để cảm ơn ***người miền Nam, đất miền Nam, và cảm ơn các vị lãnh đạo miền Nam đã cho tôi một thời đáng sống***. Thời đáng sống đã chấm dứt kể từ tháng Tư 1975, khi ‘con đại hồng thủy’ ập vào làm tan biến nhiều ước mơ, nhận chìm nhiều ân tình, làm tiêu tan nhiều nét văn hóa cổ truyền đáng yêu của dân tộc! Tôi thật sự luyến tiếc ‘ánh sáng miền Nam’.

Ngồi đây, hôm nay, tôi vô tình lang thang trên ‘net’, bắt chợt đọc được vài câu thơ của Thanh Tâm Tuyền..., ông khóc ‘người em Budapest’ khi biến cố đau thương xảy ra trên đất nước Hungari năm 1956, được đài phát thanh VOA ghi lại:

*“Hãy cho tôi khóc bằng mắt em,
Những cuộc tình duyên Budapest.
Hãy cho tôi chết bằng da em,
Dây xích chiến xa tội nghiệp...”*

Tôi ngẫm nghĩ, nào có khác chi những ngày miền Nam lâm vào cảnh ‘biển dâu’, khóc cho anh, khóc cho em, khóc cho

bạn bè, khi xích sắt xe tăng Nga húc sập cửa dinh Độc Lập ở Saigon hồi tháng Tư 1975. Và cũng chẳng khác chi, khi xích sắt xe tăng Tàu đè bẹp hàng ngàn bạn trẻ ở Thiên An Môn năm 1989; ngày ấy tôi nghe Đặng Tiểu Bình tuyên bố, có thể mất hàng trăm ngàn người dân chứ không thể để mất quyền lãnh đạo của “đảng”. Tôi rùng mình trước hành động của một lũ đồng hội đồng thuyền, tuy khác nòi giống nhưng giống nhau về cùng một tội ác (!).

Người miền Bắc đã chẳng lạ gì những lời thơ kích động: “*Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ. Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong...*” bằng những bàn tay của dân mình nhưng bằng bộ óc của giặc Tàu, ngay trên quê hương của mình vào những năm 1953, 1954, 1955 và sau đó. Đồng thời, trong cùng một bài viết do VOA ghi lại cảm nghĩ của nhà văn Thảo Trường (một nhân vật sinh trưởng ở Nam Định, và khá nổi tiếng ở Saigon trước 1975) so sánh:

Một bên: *‘Hãy cho tôi khóc bằng mắt em, Những cuộc tình duyên Budapest.*

Một đằng: *‘Hỡi ơi! Ông mắt có trời đất không, thương cha thương mẹ thương chồng, thương mình thương một, thương ông thương mười! Ông Sít-ta-lin ơi!’*

Một thằng bạn cùng ngồi ‘nhâm nhi, lai rai ba sợi’ và ‘tán gẫu’ bên bàn phím computer nhân ngày Tạ Ôn với tôi hôm nay, anh không phải là nhà văn, nhà thơ, mà chỉ là ‘nhà tán phét’ như tôi và cùng nghề ‘bóp cò’ như tôi, lảm bảm: “*Mẹ kiếp! Thằng khốn nạn! Đáng tởm thật!*” Tôi ngà ngà, lơ đãng hỏi anh: “*Mày chữ Stalin à?*”. Anh lớn tiếng hỏi lại: “*Mày thiếu thông minh, Stalin thì đã đành, nhưng thằng nào viết thơ nâng bi Sít-ta-lin đến độ tro trên? Tao chữ thằng đó.*” Tôi nhẹ nhàng đáp lời anh: “*Ai còn lạ gì nhà văn lớn của “đảng” là Tố Hữu, nhưng mày chữ hần hơi trễ đấy!*”

Tôi xin cảm ơn tất cả những nhà văn Việt Nam, kể cả nhà văn Xuân Vũ, người đã tập kết ra Bắc năm 1954, rồi lại theo

chân bộ đội miền Bắc, vượt Trường Sơn vào Saigon để góp tiếng nói với dân miền Nam, đã một thời lên tiếng cho sự sống còn của dân tộc. Tôi xin được ghi nhận **những công lao và cảm ơn các vị nhà văn đã cho tôi một giấc mơ dài**. 20 năm tuy không hoàn toàn êm đẹp như thơ, nhưng đã trăm lần đẹp hơn hẳn cái thời gian sau đó, cho đến tận hôm nay..., cái ngày mà “đảng” vào miền Nam là tan nát cả! Và xin cảm ơn **người bạn ngồi bên cạnh tôi hôm nay, đã chia sẻ cảm xúc vui buồn và ‘chửi thề’ đúng lúc tuy không đúng thời**.

Quê hương thứ ba của tôi là nước Mỹ, hay nói chính xác là vùng ‘thung lũng hoa vàng’ San Jose. Tôi đến vùng đất này qua một chuyến bay nối liền từ phi trường Manila, Philippines với phi trường San Francisco, Hoa Kỳ, vào trưa ngày 28-4-1988. Ra khỏi cổng phi trường, nhìn ra ngoài, lúc ấy trời mưa bụi lất phất, tâm tư bâng khuâng nghĩ về quê nhà. Giữa lúc tôi đang ngỡ ngàng chẳng khác gì anh Hai Lúa mới từ quê lên tỉnh lần đầu, thì gặp lại các bạn cũ, mà ít nhất là từ ‘Tháng Tư Bể Dĩa’ cho đến nay mới gặp lại. Tôi xin cảm ơn **anh Nguyễn Thanh Đức (đại đội H) là người đã liên lạc với tôi ngay từ khi tôi đến Trại Tỵ Nạn Panatnikhom, Chonburi, Thái-Lan**. Cùng đi với anh Đức hôm nay ra phi trường đón Hai Lúa gồm có các anh Trần Quang Lưu (cùng đại đội E với tôi hồi còn là SVSQ), anh Đặng Hữu Hải (đại đội G) và anh Vũ Đình Lâm (khóa 23, em người bạn thân của tôi). Các bạn đã nhận được thông báo của Sở Di Trú Hoa-Kỳ về giờ đến của chuyến bay, nên đã xuất hiện đúng lúc. Thế mà hôm nay ngồi nghĩ lại, kỷ niệm ngày đầu đặt chân đến vùng đất mới, thấm thoát đã 29 năm. Nhanh thật!

Tôi xin cảm ơn **Sở Di Trú Hoa-Kỳ, xin cảm ơn tất cả các bạn, và xin cảm ơn Trời, Đất đã cho tôi 29 năm an toàn**, mặc dầu có đôi lần tôi đã hú hồn, hú vía, hốt hoảng bừng tỉnh trong giấc mơ, nhất là những đêm vừa mới đến San Jose, cứ tưởng mình vẫn còn đang bị nung nấu trong lò “cải tạo” của “đảng”! Thế mới biết sức ám ảnh của “trại cải tạo” ghê gớm

thật! Nhưng dù sao, hôm nay, nó cũng tạo cơ hội để tôi viết lời cảm ơn ‘**người bạn đời**’ đã một thời vất vả, vừa nuôi con thơ, vừa thăm nuôi tôi.

Thế rồi chẳng bao lâu sau đó, tôi đã nhanh chóng gia nhập vào cuộc sống Mỹ dưới sự hướng dẫn rất tận tình của ‘huấn luyện viên’ Nguyễn Phú Hữu (đại đội B). Anh Hữu đến San Jose trước tôi 3 năm, cũng là dân “ô đi ghe” như tôi (anh cũng vượt biên bằng ghe như tôi chứ không phải đi theo chương trình ODP) với khá nhiều kinh nghiệm trong 3 năm vừa qua, trên vùng đất mới. Hữu và tôi đã có khá nhiều kỷ niệm thật vui, thật khó quên và anh thừa sức làm ‘huấn luyện viên’ cho Hai Lúa, phải nói là rất xuất sắc. May quá! Hai Lúa chưa bao giờ bị ‘huấn luyện viên’ phạt một cú ‘nhảy xỏm’ hay ‘hít đất’ nào cả. Xin thành thật cảm ơn **huấn luyện viên Nguyễn Phú Hữu**.

Cũng phải nói thật lòng, tôi đến nước Mỹ không phải vì “giấc mơ Mỹ” như nhiều người thường mơ, mà giống như phần đông những người khoác áo lính trước kia, thì bây giờ khoác áo Ty Nạn Cộng Sản. ‘Ty Nạn Cộng Sản’ đúng nghĩa. Nhớ lại ngày chiếc ghe vượt biên của tôi bị chết máy sau 2 ngày ‘lướt sóng’ rồi khựng lại, không thể sửa chữa được, lênh đênh giữa biển khơi. Lúc ấy chỉ còn biết trông chờ vào mưa và gió, và may quá, gió đẩy ghe vào bờ biển Pattani, miền đất cực Nam của Thailand, gần ranh giới với Malaysia. Tôi nghĩ, thật bất hạnh nếu gió đẩy ghe ngược về quê tôi, hoặc Campuchia, thì bây giờ chẳng biết đã ra sao! Lúc ấy là vào đầu tháng Một năm 1987.

Sau 10 ngày đêm để mặc cho ‘số phận’ định đoạt, chiếc ghe đứng tại chỗ, tự do trôi trành, lác lác theo ngọn sóng, vì con người lúc ấy bất lực, chỉ biết nhìn bầu trời xanh và mặt nước biển cũng xanh, không nhìn thấy bờ, bến. Tiết trời ban ngày thì thật nóng, nhìn nước biển trong xanh, khát nước mà không thể giải khát, ban đêm thì thật lạnh, lại còn phải chịu đựng và chứng kiến nhiều lần nghịch cảnh vô cùng đau thương xảy ra

trước mắt mà trước đó tôi không thể tưởng tượng được về tệ nạn hải tặc hoành hành theo thú tính riêng của họ.

Tôi xin vắn tắt: 3 lần bọn hải tặc họp nhau lại thành từng nhóm, mỗi nhóm từ 7 đến 10 chiếc ghe đánh cá, mỗi ghe có từ 2 đến 3 tên đánh cá chuyên nghiệp, tên nào cũng lực lưỡng đeo dao găm bên hông, chỉ mặc có một cái khố và cởi trần, sẵn sàng tấn công chúng tôi. Mỗi lần chúng đến vây quanh chiếc ghe mong manh của chúng tôi đang dập dình giữa biển, là mỗi lần chúng như con thú dữ đang đói gặp mồi. Chúng nhảy sang ghe chúng tôi để hãm hiếp phụ nữ, lục lọi rất kỹ mọi khe, mọi góc, mọi người để tìm vàng và đô-la. Thời gian để chúng hành động, mỗi lần như thế, là từ 3 đến 4 tiếng đồng hồ. Chúng đuổi mọi người trên boong xuống, kéo hầu hết các phụ nữ lên, từng người một, và mỗi lần thỏa mãn xong thú tính thì chúng liền đá họ xuống khoang dưới, lỏa thể, bọn đàn ông chúng tôi phải tạm thời cởi quần áo ngoài đưa cho họ mặc đỡ. Kết quả: 1 người đàn ông trong chúng tôi bị chúng đá văng xuống biển, bị sóng biển cuốn đi mất tích; 7 cô gái bị chúng bắt mang đi trên 7 chiếc ghe khác nhau, hai tháng sau thì 3 cô được chúng thả ra và được trở về trại tỵ nạn Panatnikhom; còn 4 cô kia thì vẫn biệt tăm.

Lần thứ 3 chúng đến ‘viếng’ ghe chúng tôi cũng là lần cuối, chúng tập trung những mũi ghe có bọc sắt của chúng lại rồi mở máy phóng tới, húc cho bể ghe chúng tôi để hy vọng phi tang tội ác trước khi bỏ đi. Nhưng may quá, chiếc ghe của chúng tôi chỉ bị húc văng phần đuôi, nơi dùng để nấu ăn và vệ sinh, còn những phần tiếp xúc với mặt nước biển thì vẫn còn nguyên; nhờ vậy mà ghe mới trôi dạt được đến bờ biển Pattani. Tôi chỉ là một ‘khách hàng’ của tổ chức trong chuyến vượt biên này, nên chẳng có quyền gì và cũng chẳng biết gì nhiều. Câu chuyện còn nhiều chi tiết tang thương, nhưng xin tạm ngưng ở đây, nếu có dịp thuận tiện tôi sẽ xin kể tiếp. Những ngày còn ở trại tỵ nạn, tôi cứ nghĩ chuyến vượt biên của mình là bất hạnh nhất, nhưng chưa! Chưa phải là bất hạnh nhất, còn nhiều

chuyên ghe bắt hạnh, tang thương hơn chuyên ghe của tôi rất nhiều! Bởi đâu mà dân tộc tôi lại phải chịu đựng nhiều nghịch cảnh tang thương đến thế!

“Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”, có gặp nghịch cảnh tang thương mới biết được lòng người, có ra khơi mới biết được số kiếp con người thật mong manh trước vũ trụ bao la. Tôi đã nghĩ đến việc định cư bên nước Úc, thế nhưng đến khi được đưa vào trại Ty Nạn Panatnikhom, ở Chonbury gần Bangkok, Thái-Lan tôi mới biết, muốn định cư ở nước Úc vào thời kỳ đó không phải là dễ. Nhưng thôi, hãy cứ cho là ‘số phận’, mà dù sao đi nữa thì tôi cũng đã định cư ở nơi này được 30 năm, một khoảng thời gian dài hơn thời gian tôi sống ở Saigon - chỉ 20 năm nếu tôi không kể thời gian “đăng” đến là tan nát cả. Từ lâu rồi, tôi đã là công dân Mỹ, rất nhiều sắc dân khác nhau trên thế giới cũng đã là công dân Mỹ, họ chung sống hài hòa với nhau dưới sự tôn trọng tuyệt đối Hiến pháp và Luật pháp Hoa Kỳ, đó là sức mạnh tuyệt vời của nước Mỹ. Đã từ lâu tôi biết, hãy luôn an phận với những gì mình đang có.

Và một lần nữa, nhân Mùa Tạ Ơn, tôi xin tạ ơn **Người**.

Ngày 23-11-2017



Lễ Tạ Ơn Hạnh Phúc!